

CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CƠ BẢN CƠ SỞ HẠ TẦNG CỦA XÃ

TS. Phùng Chí Hiền

Điều tra “ Tình hình cơ bản cơ sở hạ tầng của xã” là một trong 5 nội dung của cuộc Tổng Điều tra Nông thôn Nông nghiệp và Thủy sản tháng 10 năm 2001.

Mục đích điều tra xã là phản ánh thực trạng tình hình và cơ sở hạ tầng ở nông thôn, giúp cho việc đánh giá xu hướng biến đổi những năm qua và tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông thôn nông nghiệp.

Nội dung điều tra là: Tình hình chung của xã: Xã thuộc loại gì (miền núi cao, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, xã thuộc diện xã nghèo, đặc biệt khó khăn), số thôn, số thôn được công nhận làng văn hoá, số thôn có điện, số hộ, số hộ dùng điện, giá bán điện, số hộ dùng nước sạch, số hộ nghèo, số hộ nông nghiệp không có đất sản xuất nông nghiệp, số hộ được vay vốn theo các chương trình dự án, số nhân khẩu, tình hình sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản; cơ sở hạ tầng của xã: Tình hình giao thông, đường liên thôn, trạm bưu điện, thư viện, nhà văn hoá, trung tâm cụm xã, điện thoại, truyền thanh, chợ, nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, trạm xá, số cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, trạm biến thế, trạm bơm, kênh mương, thực hiện chương trình đánh bắt xa bờ; quan hệ sản xuất nông thôn: số lượng từng loại hợp

tác xã, tình hình các khâu dịch vụ do hợp tác xã đảm nhiệm, số tổ hợp tác, tình hình làng nghề (tên làng nghề, ngành nghề, số hộ tham gia, làng nghề truyền thống, làng nghề mới có); đội ngũ cán bộ chủ chốt xã về giới tính, tuổi, trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

Phân tích tình hình cơ bản và cơ sở hạ tầng của xã giúp lãnh đạo có kế hoạch biện pháp thiết thực đúng đắn thúc đẩy nhanh việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Vì vậy, chúng tôi trao đổi một số ý kiến về các chỉ tiêu phân tích tình hình cơ bản và cơ sở hạ tầng của xã.

1. So sánh những chỉ tiêu của hai cuộc điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 1994 và năm 2001 để xác định cụ thể sự biến đổi cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường học, trạm xá, v.v...) nhanh hay chậm, so với mục tiêu đề ra đạt hay không đạt:

- Các chỉ tiêu về điện khí hoá: Tỷ lệ số xã có điện, tỷ lệ số thôn có điện, tỷ lệ số hộ dùng điện, tỷ lệ số xã có trạm biến thế điện do xã quản lý, tỷ lệ số xã có trạm bơm điện do xã quản lý, tỷ lệ số xã có trạm bơm điện do nhà nước quản lý trên địa bàn xã, tỷ lệ số hộ dùng nước máy

- Các chỉ tiêu về tưới tiêu chủ động, làm đất bằng máy: Tỷ lệ (phần trăm) đất cây hàng năm được tưới tiêu chủ động, tỷ lệ đất trồng cây hàng năm được cày bừa bằng máy

- Các chỉ tiêu về đường giao thông, trạm bưu điện, điện thoại, trạm truyền thanh, trạm xá, chợ: Tỷ lệ số xã có đường xe ô tô đến UBND xã, tỷ lệ số xã có trạm bưu điện, tỷ lệ số xã có máy điện thoại, tỷ lệ số xã có trạm truyền thanh, tỷ lệ số xã có trạm xá, tỷ lệ số xã có chợ, số lượng máy điện thoại trên 1000 hộ

- Các chỉ tiêu về nhà trẻ, mẫu giáo, trường học: Tỷ lệ số xã có nhà trẻ, tỷ lệ số xã có lớp mẫu giáo, tỷ lệ số xã có trường tiểu học, tỷ lệ số xã có trường trung học cơ sở, tỷ lệ số xã có trường trung học phổ thông.

2. Phân tích việc thực hiện các chương trình dự án xây dựng nông thôn, mức độ đã đạt, so với kế hoạch:

- Các chỉ tiêu về xoá đói giảm nghèo: tỷ lệ số hộ nghèo trong tổng số hộ, tỷ lệ số xã nghèo trong tổng số xã

So sánh các chỉ tiêu này với các năm trước, với kế hoạch để thấy mức độ xoá đói giảm nghèo ở các vùng, miền, nhất là vùng núi, vùng núi cao, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn

Tỷ lệ số hộ nông nghiệp không đất trong tổng số hộ. So sánh chỉ tiêu này với năm 1994 để đánh giá tình trạng nông dân không đất, tăng hay giảm

- Chỉ tiêu chương trình sử dụng nước sạch ở nông thôn, tỷ lệ số hộ sử dụng nước sạch, so sánh với năm trước, với kế hoạch để đánh giá sự tiến bộ của mặt này

- Chỉ tiêu thực hiện vay vốn của các chương trình, dự án trong nước, nước

ngoài, trung ương, địa phương: Tỷ lệ số hộ được vay vốn theo các chương trình dự án, số dự án đánh bắt xa bờ đã được duyệt, số vốn ưu đãi theo dự án để đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt xa bờ, số tàu đánh bắt xa bờ đã đưa vào hoạt động. So sánh các chỉ tiêu này với kế hoạch

- Chỉ tiêu về giao thông nông thôn: Tỷ lệ số xã đường ô tô đến trụ sở UBND xã đã được rải nhựa, bê tông hoá; phân tổ và tính tỷ lệ số xã theo mức độ bê tông hoá, nhựa hoá đường liên thôn, tỷ lệ số xã đường liên thôn chưa được nhựa hoá, bê tông hoá, tỷ lệ số xã đường liên thôn được nhựa hoá, bê tông hoá 100%, tỷ lệ số xã đường liên thôn được nhựa hoá, bê tông hoá 75 dưới 100%, tỷ lệ số xã đường liên thôn được nhựa hoá, bê tông hoá 50 dưới 75%, tỷ lệ số xã đường liên thôn được nhựa hoá, bê tông hoá dưới 50%.

- Các chỉ tiêu thực hiện kiên cố hoá kênh mương do xã quản lý: Tổng số chiều dài kênh mương, thuỷ lợi do xã quản lý, số km kênh mương được kiên cố hoá, tỷ lệ số xã kênh mương được kiên cố hoá 100%, tỷ lệ số xã kênh mương được kiên cố hoá 50 dưới 100%, tỷ lệ số xã kênh mương được kiên cố hoá dưới 50%

- Các chỉ tiêu về xây dựng trường học: tỷ lệ trường tiểu học kiên cố trong tổng số trường tiểu học, tỷ lệ trường tiểu học bán kiên cố trong tổng số trường tiểu học, tỷ lệ trường trung học cơ sở kiên cố trong tổng số trường trung học cơ sở, tỷ lệ trường trung học cơ sở bán kiên cố trong tổng số trường trung học cơ sở, tỷ lệ trường trung học phổ thông kiên cố trong tổng số trường học phổ thông, tỷ lệ trường trung học phổ thông bán kiên cố trong tổng số trường học phổ thông

- Các chỉ tiêu về văn hoá: tỷ lệ số xã có điểm bưu điện văn hoá, tỷ lệ xã có nhà văn hoá

- Các chỉ tiêu về quan hệ sản xuất: số lượng HTXNN mới thành lập, số lượng HTXNN đã chuyển đổi, số lượng HTX lâm nghiệp, số lượng HTX thuỷ sản, v.v...; phản ảnh dịch vụ do HTXNN đảm nhiệm trên địa bàn xã, tỷ lệ số xã có HTXNN làm dịch vụ; phản ảnh mức độ hoạt động dịch vụ của các HTXNN, phân tổ, tính từng khâu dịch vụ do HTXNN đảm nhiệm trên địa bàn xã (giống cây trồng, làm đất, thuỷ lợi, tiêu thụ sản phẩm, v.v..)

- Các chỉ tiêu về làng nghề: Số làng nghề truyền thống, số làng nghề có từ năm 1986, số hộ tham gia các làng nghề, số lao động tham gia các làng nghề, tỷ lệ số xã có làng nghề, tỷ lệ số xã có làng nghề truyền thống, tỷ lệ số làng nghề truyền thống so với tổng số làng nghề, tỷ lệ số hộ tham gia các làng nghề so với tổng số hộ. Các chỉ tiêu này nhằm đánh giá sự phát triển của các làng nghề về các ngành nghề, mặt hàng sản xuất, về việc thu hút lực lượng lao động của các làng nghề

- Các chỉ tiêu về đội ngũ cán bộ chủ chốt xã: Cơ cấu giới tính (nam, nữ), cơ cấu độ tuổi (dưới 30 tuổi, 30 đến 40 tuổi, 40

đến 50 tuổi, trên 50 tuổi), cơ cấu trình độ văn hoá (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), cơ cấu trình độ chuyên môn (không có trình độ chuyên môn, công nhân kỹ thuật sơ cấp, trung cấp cao đẳng, đại học trở lên) của đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, và từng loại cán bộ chủ chốt xã (bí thư đảng uỷ xã, chủ tịch UBND xã, v.v...), nhằm đánh giá đội ngũ cán bộ chủ chốt xã nói chung và từng loại cán bộ chủ chốt về tuổi đời, về trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn để có kế hoạch, biện pháp thiết thực, đúng đắn xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt xã tốt hơn

Các chỉ tiêu được tính toán phân tích chung cho các xã và riêng cho từng loại xã (xã thuộc miền núi cao, xã hải đảo, xã vùng sâu vùng xa, xã thuộc diện xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn) nhằm phản ảnh cụ thể tình hình cơ bản cơ sở hạ tầng, việc thực hiện các chương trình nông thôn ở từng loại xã để có kế hoạch biện pháp thiết thực đẩy nhanh việc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn.